

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HS-ST  
Ngày 06-02-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Quyết, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 399/2017/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lư Thị D, sinh năm 1965 tại tỉnh Đ; thường trú: 19/6 khu phố B, phường L, Quận K, Thành phố H; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lư Văn L (đã chết) và bà Hà Thị B (đã chết); chồng tên Nguyễn Minh Q (đã chết); có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1990; bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1959, nhỏ nhất sinh năm 1950; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 26/7/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 07/8/2017, bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Lê Thị Th, sinh năm 1983 tại tỉnh T; thường trú: Xóm C, xã T, huyện C, tỉnh H; tạm trú: 19/3 khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Minh C, sinh năm 1950 và bà Nhạn Thị T, sinh năm 1954; chồng tên Trần Văn C, sinh năm 1985; có 01 con, sinh năm 2013; bị cáo có 03 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Chung Huệ T, sinh năm 1969 tại Thành phố H; thường trú: 10/16 đường P, Phường A, Quận G, Thành phố H; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn:

Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Chung Như H (đã chết) và bà Châu L, sinh năm 1942; chồng tên Phan Thế D, sinh năm 1972; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1998; bị cáo có 06 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1963, nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 26/7/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/8/2017, bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 tại tỉnh T; thường trú: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh H; tạm trú: 125/15 khu phố N, phường D, thị xã A, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1948 và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1952; bị cáo có 02 em, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 26/7/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/8/2017, bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Trần Văn C, sinh năm 1985 tại tỉnh H; thường trú: Ấp P, xã B, huyện H, tỉnh G; tạm trú: 19/3 khu phố Đ, phường A, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn L, sinh năm 1958 và bà Dương Thị M, sinh năm 1960; có vợ tên Lê Thị T, sinh năm 1983; có một con sinh năm 2013; bị cáo có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 25/7/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 08/9/2017, bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Dương Văn B, sinh năm 1986 tại tỉnh T; thường trú: Thôn 2, xã Q, huyện X, tỉnh T; tạm trú: 32A/59 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Dương Văn S (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1956; có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; có một con sinh năm 2013; bị cáo có một em, sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 26/7/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 08/9/2017, bị cáo tại ngoại, có mặt.

*Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1990; địa chỉ: 19/6 khu phố B, phường L, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. An Văn K, sinh năm 1980; địa chỉ: 27/12 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh B.

3. Huỳnh Thị Th, sinh năm 1983; địa chỉ: 3/3 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh B.

4. Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978; địa chỉ: 93/4 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B.

5. Lê Thị Bích H, sinh năm 1975; địa chỉ: 409 khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh B.

6. Hồ A S, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 20 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh B.

7. Lê Trọng B, sinh năm 1982; địa chỉ: 74/10 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B.

8. Lê Thu H, sinh năm 1979; địa chỉ: 14/12 khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh B.

9. Huỳnh Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: 3/3 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh B.

Những người làm chứng đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Lư Thị D, Lê Thị Th, Chung Huệ T, Nguyễn Thị H và Dương Văn B là công nhân của Công ty C tại khu công nghiệp S, thị xã D, tỉnh B. Đầu năm 2017, D tổ chức bán số đề cho công nhân trong công ty, D thỏa thuận với Th, T trong giờ làm việc bán số đề cho công nhân, sau đó tổng hợp lại phoi đề giao trực tiếp bằng phoi hoặc bằng tin nhắn điện thoại gửi cho D trước giờ xổ số thì D cho Th, T hưởng 10% tiền hoa hồng trên tổng số tiền Th, T bán số đề. Ngoài việc nhận phoi đề từ Th và T, bị cáo D và bị cáo Th còn trực tiếp bán số đề cho các công nhân bằng cách D sẽ giao lại 01 phần các con số cho tên Tr (không rõ lai lịch), Th giao các con số lớn cho D để hưởng 10% tiền hoa hồng, còn lại D và Th giữ trực tiếp tính thắng thua với các con bạc.

Bị cáo Lê Thị Th thỏa thuận với Nguyễn Thị H và tên Hồ A S cho S, H hưởng 5% đến 8% trong tổng số tiền bán số đề giao lại cho Th. Ngoài ra, Th còn thỏa thuận với Trần Văn C (chồng Th) khi Th bán được các số đề sẽ nhắn tin chuyển qua cho C để dò kết quả xổ số xem những ai trúng và trúng bao nhiêu tiền để Th tính tiền thắng thua với D và các con bạc khác.

Bị cáo Chung Huệ T trực tiếp bán số đề cho những công nhân khác và quá trình bán số đề T thỏa thuận với tên An Văn K sẽ cho K hưởng 5% đến 8% trong tổng số tiền bán số đề giao lại cho T.

Tỷ lệ thắng thua cụ thể: Đối với số hai con 1 ăn 70 lần, số 3 con 1 ăn 600 lần, số đá 1 ăn 700 lần.

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 25/7/2017 thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ, quá trình điều tra xác định được như sau:

- Ngày 25/7/2017, bị cáo Lư Thị D đã bán số đề và nhận các phoi đề của Nguyễn Thị A 702.000 đồng Đài V, 182.000 đồng Đài B; Lê Thị Bích H 189.000 đồng Đài H, 62.500 đồng đài B, 604.000 đồng đài V; Lê Thị Th số tiền bán số đề là 7.505.000 đồng Đài L, 285.000 đồng Đài V; Chung Huệ T số tiền bán số đề là 6.453.000 đồng đài V và tiền trúng số đề Đài V là 5.600.000 đồng, 654.000 đồng Đài L, 96.000 đồng Đài B.

- Ngày 25/7/2017, bị cáo Chung Huệ T đã bán số đề cho Lê Thu H 50.000 đồng Đài V, 6.000 đồng đài L; Huỳnh Thị T 60.000 đồng Đài B, 60.000 đồng Đài V; An Văn K là khoảng 12.000.000 đồng.

- Ngày 25/7/2017, bị cáo Lê Thị Th và Trần Văn C đã bán số đề cho Nguyễn Thị H 324.000 đồng Đài H, 216.000 đồng Đài V, 223.000 đồng Đài B, 4.584.000 đồng Đài L; Hồ A S là 3.886.000 đồng Đài V, 366.500 đồng Đài B; 268.500 đồng Đài L. Trong đó Hồ A S bán cho Kiều Kim U 18.000 đồng Đài V, 4.000 đồng Đài B, 4.000 đồng đài L và Nguyễn Thị Trúc Đ 42.000 đồng đài V; Lê Trọng B 2.182.000 đồng Đài V, 1.555.000 đồng Đài H; 123.000 đồng Đài B; Nguyễn Đắc T 752.000 đồng, Đài B, 1.274.000 đồng Đài V, 1.076.000 đồng Đài H; Chung Huệ T là 3.276.000 đồng Đài V, 20.000 đồng Đài L, 783.000 Đài H.

Ngày 24/7/2017, bị cáo Nguyễn Thị H bán cho Dương Văn B số tiền 1.472.000 đồng Đài H, kết quả B trúng 6.800.000 đồng; H chuyển toàn bộ số đề bán được của B cho T trong ngày 24/7/2017.

Vật chứng: 01 điện thoại Oppo màu hồng phấn, sim số 0983657600 của bị cáo H; điện thoại Samsung galaxy J7 màu vàng, sim số 01636826520 của bị cáo Th; điện thoại Nokia 230 màu đen, sim số 01289403724 của bị cáo D; điện thoại Mobistar màu trắng, sim số 01627712549 của bị cáo T; điện thoại Oppo màu trắng (không có sim) của bị cáo B, 01 điện thoại di động Nokia sim số 0985898527 của bị cáo C.

Bản Cáo trạng số: 19/QĐ-KSĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lư Thị D, Lê Thị Th, Nguyễn Thị H, Chung Huệ T, Trần Văn C và Dương Văn B về Tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự đề nghị:

Xử phạt bị cáo Lư Thị D từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; xử phạt bị cáo Lê Thị Th từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H và Chung Huệ T mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; bị cáo Dương Văn B và Trần Văn C, mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã tóm tắt nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc tạm giữ các bị cáo sau đó thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú là đúng quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người làm chứng, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 25/7/2017 tại Công ty C thuộc khu công nghiệp S, phường A, thị xã D, tỉnh B các bị cáo Lư Thị D, Lê Thị Th, Chung Huệ T, Nguyễn Thị H và Trần Văn C đã thực hiện hành vi mua bán số đề đối với xổ số các đài miền Nam, miền Bắc bằng hình thức gửi tin nhắn trên điện thoại di động với tỷ lệ ăn thua số hai con 1 ăn 70 lần, số 3 con 1 ăn 600 lần, số đá 1 ăn 700 lần. Đối tượng tên Tr (chưa rõ nhân thân lai lịch) là người trực tiếp thắng thua bằng tiền với các con bạc; còn các bị cáo D, Th, T, H là người trực tiếp bán số đề cho các công nhân để hưởng lợi từ 5 đến 10% tiền hoa hồng trên tổng số tiền bán số đề. Riêng bị cáo D và Th ngoài việc bán số đề chuyển cho Tr, còn giữ lại một phần để trực tiếp thắng thua với các con bạc. Bị cáo C phụ giúp vợ là bị cáo Th dò kết quả xổ số và báo cho bị cáo Th. Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể: Bị cáo D 14.721.000 đồng, trong đó: Đài V 13.600.000 đồng (gồm tiền bán số đề và tiền chung cho các bị cáo khác), Đài L 654.000 đồng, Đài B 278.000 đồng, đài H 189.000 đồng; bị cáo Chung Huệ T 16.178.000 đồng, trong đó: Đài V 15.329.000 đồng (gồm tiền bán số đề, tiền trúng và phải chung cho người khác), Đài L 6.000 đồng, Đài B 60.000 đồng, Đài H 783.000 đồng; bị cáo Lê Thị Th và Trần Văn C 23.217.500 đồng, trong đó: Đài V 10.834.000 đồng (gồm tiền bán số đề, tiền trúng và phải chung cho người khác), Đài L 7.505.000 đồng, Đài B 1.464.500 đồng, Đài H 3.414.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị H và Dương Văn B sử dụng 8.272.000 đồng vào mua bán số đề Đài H.

Như vậy hành vi của các bị cáo đánh bạc dưới hình thức ghi số đề, thắng thua bằng tiền đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng số: 19/QĐ-KSĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Về ý thức chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề thắng thua bằng tiền của nhau là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì tham lam tư lợi các bị cáo đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo Lu Thị D là người chủ mưu, trực tiếp thắng thua với các con bạc; bị cáo Chung Huệ T, Lê Thị Th, Trần Văn C với vai trò giúp sức cho bị cáo D; bị cáo Nguyễn Thị H giúp sức cho bị cáo Th và chia hoa hồng; bị cáo Th ngoài vai trò giúp sức cho bị cáo D còn trực tiếp thắng thua với các con bạc, bị cáo Dương Văn B trực tiếp tham gia mua số đề để ăn thua bằng tiền với bị cáo Th. Vì vậy vai trò của bị cáo D là cao hơn các bị cáo khác.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo Trần Văn C, Lê Thị Th sau khi phạm tội đã ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 và theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung. Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt thể hiện có việc làm ổn định, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

[8] Xét các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương; xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục và cũng không làm ảnh hưởng đến tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thị xã D, tỉnh B. Xét mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thị xã D đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng”. Tuy nhiên Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với Hồ A S, Lê Thu H, Huỳnh Thị Th, Lê Trọng B, Lê Thị Bích H, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Đắc T, Nguyễn Thị Ngọc T, Kiều Kim U, Nguyễn Thị Trúc Đ có hành vi đánh bạc nhưng chưa đủ định lượng xử lý hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D ra quyết định xử lý hành chính là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với An Văn K không khai nhận hành vi mua bán số đề với bị cáo T số tiền khoảng 12.000.000 đồng, nên chưa có căn cứ xử lý, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã n không xử lý là phù hợp.

Đối với Tr chưa rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Bích T giao phôi đẻ cho Th và Tr, hiện chưa làm rõ được Th và Tr nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 01 điện thoại Oppo màu hồng phấn, sim số 0983657600 của bị cáo H; 01 điện thoại Samsung galaxy J7 màu vàng, sim số 01636826520 của bị cáo Th; 01 điện thoại Nokia 230 màu đen, sim số 01289403724 của bị cáo D; điện thoại Mobistar màu trắng, sim số 01627712549 của bị cáo T; 01 điện thoại Oppo màu trắng (không có sim) của bị cáo B, 01 điện thoại di động Nokia, sim số 0985898527 của bị cáo C. Các bị cáo sử dụng điện thoại trên làm phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, riêng các sim điện thoại không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc gồm bị cáo D 14.721.000 đồng, bị cáo T 16.178.000 đồng, bị cáo Th và C 23.217.500 đồng, bị cáo H 8.272.000 đồng, bị cáo B thắng số đề 6.800.000 đồng; cần buộc các bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Lư Thị D, Lê Thị Th, Chung Huệ T, Nguyễn Thị H, Trần Văn C và Dương Văn B phạm Tội đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Lư Thị D 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);
- Xử phạt bị cáo Chung Huệ T 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng);
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng);
- Xử phạt bị cáo Dương Văn B 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Th 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng);
- Xử phạt bị cáo Trần Văn C 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng);

2. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Oppo màu hồng phấn; 01 điện thoại Samsung galaxy J7 màu vàng; 01 điện thoại Nokia 230 màu đen; 01 điện thoại Mobistar màu trắng; 01 điện thoại Oppo màu trắng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy các sim số 0983657600; 01636826520; 01289403724; 01627712549; 0985898527.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B).

- Buộc bị cáo Lư Thị D nộp lại 14.721.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm hai mươi một nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Lê Thị Th, Trần Văn C nộp lại 23.217.500 (Hai mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Chung Huệ T nộp lại 16.178.000 đồng (mười sáu triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Dương Văn B nộp lại 8.272.000 đồng (tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

### 3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lư Thị D, Lê Thị Th, Chung Huệ T, Nguyễn Thị H, Trần Văn C và Dương Văn B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VP, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Lê Thị Ngà**